

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2021/DS-ST**
Ngày 07 - 9 - 2021
V/v: “Chia di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Quốc Khánh

Ông Cao Trung Kiên

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2021/ TLST-DSST ngày 05/01/2021 về việc “Chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST- DS ngày 17/8/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1976

Bị đơn: Ông Phạm Trọng H, sinh năm 1960

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị T - Sinh năm 1938

Bà Phạm Thị Th - Sinh năm 1962

Bà Phạm Thị H - Sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Đội 3, thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

Đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Th: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Đội 3, thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Bà H có đơn xin vắng mặt; ông H, cụ T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/01/2021, bản tự khai ngày 07/01/2021 của nguyên đơn là ông Phạm Văn N trình bày:

Bố ông là cụ Phạm Văn T, mẹ ông là cụ Phạm Thị T. Quá trình chung sống bố mẹ ông đã được cấp Giấy CNQSD đất số G855020, vào sổ cấp Giấy CNQSD đất số 1628/QSDD/329/QĐUB ngày 28/9/1995 đối với thửa đất số 3275, tờ bản đồ số 6, diện tích 440m² trong đó gồm 270m² đất ở, 170m² đất vườn tạp, (sau đây gọi tắt là thửa 3275) và thửa đất số 3289, tờ bản đồ số 6, diện tích 350m² ao nuôi cá, (sau đây gọi tắt là thửa 3289) thửa đất số 3274 diện tích 40m² đất xây dựng từ đường mang tên hộ bà Phạm Thị T (tức Phạm Thị T). Các thửa đất nêu trên đều tại xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bố mẹ ông sinh được 04 người con gồm: ông Phạm Trọng H, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn N.

Các tài sản trên thửa đất số 3275 gồm 04 gian nhà ngói cấp 4 xây dựng vào khoảng năm 1970, diện tích khoảng 55m² hướng Đông - Nam, công trình vệ sinh ở bên ngoài xây dựng từ khoảng năm 1995. Trong vườn có trồng một số cây chuối không có giá trị.

Năm 2010, cụ Phạm Văn T chết, không để lại di chúc. Hiện tại chỉ có mẹ ông là cụ Phạm Thị T đang quản lý và sử dụng các di sản nêu trên. Đối với thửa đất số 3361/39 tờ bản đồ số 6, diện tích số 147m² đất 2 vụ lúa, thửa đất số 3956/4, tờ bản đồ số 8, diện tích 53m² đất chuyên mạ, thửa đất số 2613/5 tờ bản đồ số 4, diện tích 621m² đất 2 vụ lúa, thửa đất số 3338/8 tờ bản đồ số 6, diện tích 39m² đất cH mạ, thửa đất số 3274, tờ bản đồ số 6, diện tích 40m² đất xây dựng từ đường ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh chia di sản thừa kế của bố ông để lại gồm thửa đất số 3275 và các công trình trên đất; thửa số 3289 theo quy định của pháp luật.

* Tại bản tự khai ngày 07/5/2021, bị đơn là ông Phạm Trọng H trình bày:

Ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải của Tòa án về việc ông Phạm Văn N có đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của bố ông để lại. Vì lý do công việc nên ông chưa đến Tòa án để làm việc được.

Bố ông là Phạm Văn T (chết năm 2010), mẹ ông là Phạm Thị T. Bố mẹ ông sinh được 04 người con gồm: Phạm Trọng H, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn N. Bố mẹ ông không có con riêng, con nuôi nào khác.

Quá trình chung sống bố mẹ ông đã được cấp Giấy CNQSD đất số G855020, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1628/QSDD/329/QĐUB ngày 28/9/1995 đối với thửa đất số 3275; thửa đất số 3289; thửa đất số 3274, tờ bản đồ số 6, diện tích 40m² đất xây dựng từ đường, thửa đất số 3361/39 tờ bản đồ số 6, diện tích số 147m² đất 2 vụ lúa, thửa đất số 3956/4, tờ bản đồ số 8, diện tích 53m² đất chuyên mạ, thửa đất số 2613/5 tờ bản đồ số 4, diện tích 621m² đất 2 vụ lúa, thửa đất số 3338/8 tờ bản đồ số 6, diện

tích 39m² đất chuyên mạ đã được cấp Giấy CNQSD đất mang tên hộ bà Phạm Thị T.

Tài sản trên đất gồm 04 gian nhà ngói xây dựng đã lâu, có sửa chữa năm 1968, 01 gian nhà ngói, 01 gian nhà kho, 01 nhà mái bằng xây dựng năm 2007. Năm 2005, bố mẹ ông đã cho ông Phạm Văn N 01 mảnh đất. Năm 2018, ông N đã bán nên ông không có yêu cầu gì đối với diện tích đất này.

Ngoài các tài sản nêu trên, bố mẹ ông không còn bất cứ tài sản nào khác. Năm 2010, bố ông chết không để lại di chúc. Sau khi bố ông chết thì mẹ ông là người quản lý và sử dụng các tài sản nêu trên.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn N. Quan điểm của ông là không nhất trí chia di sản thừa kế vì ông muốn giữ lại để con cháu sau này có chỗ đi lại thờ cúng, chăm sóc mẹ già yếu. Sau khi mẹ ông mất thì sẽ xây dựng, cải tạo lại làm nơi thờ cúng. Mọi người có trách nhiệm đi lại thờ cúng ông bà vì đây là đất ông bà để lại.

Ông đề nghị Tòa án hòa giải để anh em gìn giữ tình cảm. Trong trường hợp không hòa giải được, phải chia thừa kế theo quy định pháp luật thì ông đề nghị được hưởng ½ thửa đất ao, còn phần nhà, đất ở, đất vườn ông không có nhu cầu sử dụng.

* Tại bản tự khai ngày 18/01/2021, bà Phạm Thị H - Người có quyền và nghĩa vụ liên quan, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị T là bà Phạm Thị Th trình bày:

Bà nhất trí với quan điểm của ông Phạm Văn N về thành phần gia đình và di sản thừa kế của bố bà để lại.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn N, quan điểm của bà, cụ T, bà Th là phần di sản thừa kế theo quy định pháp luật mà bà, cụ T, bà Th được hưởng đều để lại cho ông Phạm Văn N toàn quyền sử dụng.

Đối với thửa đất số 3361/39 tờ bản đồ số 6, diện tích số 147m² đất 2 vụ lúa, thửa đất số 3956/4, tờ bản đồ số 8, diện tích 53m² đất chuyên mạ, thửa đất số 2613/5 tờ bản đồ số 4, diện tích 621m² đất 2 vụ lúa, thửa đất số 3338/8 tờ bản đồ số 6, diện tích 39m² đất chuyên mạ, thửa đất số 3274, tờ bản đồ số 6, diện tích 40m² đất xây dựng từ đường bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai đề ngày 01/4/2021, người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Th trình bày:

Bà thống nhất quan điểm với bà Th, ông N về thành phần gia đình và di sản thừa kế mà bố bà để lại.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn N, quan điểm của bà là phần di sản thừa kế theo quy định pháp luật mà bà được hưởng đều để lại cho ông Phạm Văn N toàn quyền sử dụng.

* Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 25/8/2021, người có quyền và nghĩa vụ liên quan là cụ Phạm Thị T trình bày:

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn N, quan điểm của cụ là phần di sản thừa kế mà cụ được hưởng theo quy định pháp luật từ cụ Phạm Văn T đều để lại cho ông Phạm Văn N toàn quyền sở hữu, sử dụng. Cụ Phạm Thị T tự nguyện tặng cho con trai Phạm Văn N phần tài sản thuộc sở hữu của cụ trong khối tài sản chung của vợ chồng cụ gồm $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng của hai thửa đất số 3275 và số 3289 ; $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản gắn liền với đất và phần được hưởng theo quy định của pháp luật đối với di sản của cụ T để lại.

** Kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:*

- Diện tích đo đạc tại thửa đất số 3275, diện tích hiện trạng là 428m² trong đó 160m² đất vườn, 268m² đất ở. Tài sản gắn liền trên đất gồm có: 01 ngôi nhà ngói 04 gian diện tích 54 m², 01 bếp mái tôn, 01 nhà vệ sinh và nhà tắm (phía trên có 01 bể nước nhỏ), 01 bể nước lớn phía sau nhà mái ngói.

- Thửa đất số 3289 diện tích 350m² đất ao. Hiện trạng đất ao vẫn là mặt nước.

- Giá trị quyền sử dụng đất cụ thể: 900.000 đồng/01m² đất ở, 400.000 đồng/01m² đất vườn, 200.000 đồng/01 m² đất ao (hiện trạng vẫn là mặt nước).

- Tổng giá trị các tài sản gắn liền với thửa đất 3275, tờ bản đồ số 6 là 113.017.400đ gồm:

Nhà ở mái ngói: 47.376.000đ.

Bếp mái lợp tôn: 18.194.400đ.

Nhà tắm, vệ sinh: 9.366.000đ

Bể nước: 8.381.000đ.

Tường rào xây tường 110: 19.500.000đ.

Sân gạch, sân bê tông: 10.200.000đ.

- Như vậy tổng giá trị của thửa đất số 3275 diện tích 428m² trong đó 160m² đất vườn, 268m² đất ở và thửa đất số 3289, tờ bản đồ số 6, PL17 diện tích 350m² đất ao và giá trị các tài sản gắn liền trên đất là:

$(900.000đ \times 268m^2 \text{ đất ở}) + (400.000đ \times 160m^2 \text{ đất vườn}) + (200.000đ \times 350m^2 \text{ đất ao}) + 113.017.400 \text{ đ giá trị tài sản} = 488.217.000đ$ (Bốn trăm tám mươi tám triệu, hai trăm mười bảy nghìn đồng – đã làm tròn số).

Di sản cụ Phạm Văn T để lại là $\frac{1}{2}$ trong tổng khối tài sản chung của vợ chồng cụ Phạm Văn T và Phạm Thị T, có giá trị là:

$$488.217.000đ : 2 = 244.108.000đ \text{ (đã làm tròn số)}$$

- Kết quả xác minh tại UBND L và qua hồ sơ địa chính cho thấy:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp là do ông bà tổ tiên để lại cho vợ chồng cụ Phạm Văn T và cụ Phạm Thị T. Hộ gia đình cụ T vẫn quản lý và sử dụng từ trước đến nay không có tranh chấp với các hộ liền kề. Năm 1995, hộ cụ T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Phạm Thị T (tức

Phạm Thị T). Chính quyền địa phương không xác nhận vào bất cứ văn bản nào có liên quan đến nội dung di chúc của cụ Phạm Văn T.

** Tại phiên tòa:*

Cụ Phạm Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm là phần di sản thừa kế mà cụ được hưởng theo quy định pháp luật từ cụ Phạm Văn T đều để lại cho ông Phạm Văn N toàn quyền sử dụng. Cụ Phạm Thị T tự nguyện tặng cho con trai Phạm Văn N phần tài sản thuộc sở hữu của cụ trong khối tài sản chung của vợ chồng cụ gồm $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng các thửa đất số 3275, 3289 và $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản gắn liền với đất.

Ông Phạm Trọng H trình bày quan điểm: Nhất trí với kết quả đo đạc, thẩm định, định giá tài sản nhưng không nhất trí chia di sản thừa kế vì ông muốn giữ lại để con cháu sau này có chỗ đi lại thờ cúng, chăm sóc mẹ già yếu. Sau khi mẹ ông mất thì sẽ xây dựng, cải tạo lại làm nơi thờ cúng. Trong trường hợp không hòa giải được, phải chia thừa kế theo quy định pháp luật thì ông đề nghị được hưởng $\frac{1}{2}$ đất ao, nếu phần ông được hưởng mà thiếu thì ông sẽ có trách nhiệm trả cho nguyên đơn, nếu thừa nguyên đơn trả lại cho ông còn phần nhà, đất ở, đất vườn ông không có nhu cầu sử dụng.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71; 72 BLTTDS;

Việc Tòa án hoãn phiên tòa khi vắng mặt đương sự và mở phiên tòa xét xử vụ án khi đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 BLDS, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị HĐXX

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn N đối với di sản của cụ Phạm Văn T để lại gồm: $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đối thửa đất số 3275 và thửa đất số 3289 tờ bản đồ số 6 tại xã L, huyện T, tỉnh Nam Định và $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản gắn liền với đất tại thửa 3275.

- Giao cho ông Phạm Văn N có quyền sở hữu: Nhà ở mái ngói trị giá 47.376.000đ; Bếp mái lợp tôn trị giá: 18.194.400đ; Nhà tắm, vệ sinh trị giá: 9.366.000đ; Bể nước trị giá: 8.381.000đ; Tường rào xây tường 110 trị giá: 19.500.000đ; Sân gạch, sân bê tông trị giá: 10.200.000đ. Tổng giá trị là 113.017.000đ và sử dụng diện tích 428m² trong đó 160m² đất vườn, 268m² đất ở tại thửa đất số 3275, tờ bản đồ 6, PL 17 trị giá 305.200.000đ và 175m² đất ao tại thửa đất số 3289 tờ bản đồ số 6, PL 17 trị giá 35.000.000đ tại xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Trọng H: Giao cho ông Phạm Trọng H có quyền sử dụng 175m² đất ao trị giá 35.000.000đ tại thửa đất số 3289 tờ bản đồ số 6 PL 17 tại xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Ông Phạm Văn N có nghĩa vụ trả chênh lệch về kỹ phân cho ông Phạm Trọng H.

Án phí: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thời hiệu khởi kiện:

Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Phạm Văn T chết năm 2010 không để lại di chúc. Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế đối với bất động sản là 30 năm kể từ thời điểm mở thừa kế (thời điểm người để lại di sản chết). Vì vậy, tính đến thời điểm này, những người được thừa kế có quyền khởi kiện.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Việc ông Phạm Văn N khởi kiện chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 3275 thửa số 3289 mang tên hộ bà Phạm Thị T (tức Phạm Thị T) tại xã L, huyện T, tỉnh Nam Định. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về xác định hàng thừa kế theo pháp luật và xác định khối di sản thừa kế của cụ Phạm Văn T:

- *Về xác định hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Phạm Văn T:* Cụ Phạm Văn T chết năm 2010 không để lại di chúc. Di sản cụ Phạm Văn T để lại sẽ được chia thừa kế theo pháp luật cho các thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Cụ Phạm Thị T (vợ của cụ Phạm Văn T), ông Phạm Trọng H, ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị H đều là con đẻ của cụ T (gồm 05 thừa kế).

- *Về xác định khối di sản thừa kế của cụ Phạm Văn T:* Di sản thừa kế của cụ Phạm Văn T để lại là quyền sử dụng chung cùng với vợ là cụ Phạm Thị T (tức Phạm Thị T) là tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 3275 và thửa đất số 3289 đã được cấp Giấy CNQSD đất số G855020 ngày 28/9/1995 mang tên hộ bà Phạm Thị T (tức Phạm Thị T).

Tuy nhiên, qua đo đạc thẩm định diện tích thửa đất số 3275, tờ bản đồ 6, PL 17, diện tích hiện trạng là 428m² trong đó 160m² đất vườn, 268m² đất ở; thửa số 3289, tờ bản đồ số 6, diện tích 350m² ao.

Đối với thửa đất số 3361/39 tờ bản đồ số 6, diện tích số 147m² đất 2 vụ lúa, thửa đất số 3956/4, tờ bản đồ số 8, diện tích 53m² đất chuyên mạ, thửa đất số 2613/5 tờ bản đồ số 4, diện tích 621m² đất 2 vụ lúa, thửa đất số 3338/8 tờ bản

đồ số 6, diện tích 39m² đất chuyên mạ, thửa đất số 3274, tờ bản đồ số 6, diện tích 40m² đất xây dựng từ đường nên HĐXX không xem xét.

Năm 2010, cụ Phạm Văn T chết không để lại di chúc nên xác định di sản thừa kế mà cụ Phạm Văn T để lại là $\frac{1}{2}$ trong khối tài sản chung của vợ chồng cụ Phạm Văn T và cụ Phạm Thị T gồm $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đối với thửa đất số 3275 và thửa đất số 3289 và $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản gắn liền với đất tại thửa 3275 tại xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

Còn lại $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đối với thửa đất số 3275 và thửa đất số 3289 và $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản gắn liền với đất tại thửa 3275 là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của cụ Phạm Thị T.

[3] Về việc phân chia di sản của cụ Phạm Văn T:

Cụ Phạm Văn T chết không để lại di chúc. Như vậy, di sản thừa kế của cụ Phạm Văn T được chia cho 05 người thừa kế gồm bà T, ông H, ông N, bà Th, bà H. Mỗi người sẽ được hưởng $\frac{1}{5}$ trong phần di sản của cụ Phạm Văn T để lại. Giá trị của di sản thừa kế ông Phạm Văn T để lại là 244.108.000 đ.

Như vậy giá trị của mỗi kỹ phần thừa kế là $244.108.000\text{đ} : 5 = 48.820.000\text{đ}$ (Đã làm tròn số).

Trong quá trình giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị H là đại diện theo ủy quyền của cụ T, bà Th, ông N đã có bản tự khai trình bày quan điểm là phần di sản thừa kế mà bà, cụ T, bà Th được hưởng theo quy định pháp luật sẽ cho ông Phạm Văn N toàn quyền quản lý và sử dụng.

Bà Phạm Thị Th có bản tự khai trình bày quan điểm là phần di sản thừa kế mà bà Th được hưởng theo quy định pháp luật sẽ cho ông Phạm Văn N toàn quyền quản lý và sử dụng.

Cụ Phạm Thị T có quan điểm là phần di sản thừa kế theo quy định pháp luật mà cụ được hưởng từ chồng đều để lại cho ông Phạm Văn N toàn quyền sử dụng. Cụ Phạm Thị T tự nguyện tặng cho con trai Phạm Văn N phần tài sản thuộc quyền sở hữu của cụ trong khối tài sản chung của vợ chồng cụ gồm $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đối với thửa đất số 3275 thửa đất số 3289 tại xã L, huyện T, tỉnh Nam Định và $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản gắn liền với đất.

Ông Phạm Trọng H có quan điểm nếu trong trường hợp Tòa án không hòa giải được thì ông đề nghị được hưởng $\frac{1}{2}$ phần diện tích đất ao thửa đất số 3289, tờ bản đồ số 6, diện tích 350m² ao nuôi cá tại xã L, huyện T, tỉnh Nam Định. Còn diện tích đất ở, đất vườn, nhà thì ông không có nhu cầu sử dụng.

Vì vậy, HĐXX xét thấy việc cụ T, bà Th, bà H để lại phần di sản thừa kế mà mình được hưởng theo quy định pháp luật từ cụ Phạm Văn T cho ông Phạm Văn N sử dụng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của ông H, HĐXX thấy có cơ sở nên chấp nhận, giao cho ông Phạm Trọng H được quyền sử dụng đối với 175m² đất ao tại thửa đất số 3289, tờ bản đồ số 6 tại xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

Giá trị của 175m² đất ao bằng tiền là: $175 \times 200.000đ = 35.000.000đ$

Giao cho ông Phạm Văn N toàn quyền sử dụng đối với thửa đất số 3275, tờ bản đồ số 6 tại xã L, huyện T, tỉnh Nam Định và các tài sản gắn liền với đất và 175m² đất ao tại thửa đất số 3289, tờ bản đồ số 6 tại xã L, huyện T, tỉnh Nam Định. Ông Phạm Văn N phải trả cho ông Phạm Trọng H số tiền chênh lệch giá trị kỹ phần là: $48.820.000đ - 35.000.000đ = 13.820.000đ$.

[4] Về chi phí thẩm định, định giá: Ông Phạm Văn N đã nộp đủ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn N phải nộp theo quy định của pháp luật; Ông Phạm Trọng H có đơn xin miễn án phí có xác nhận của chính quyền địa phương nên được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn N đối với di sản của cụ Phạm Văn T để lại gồm: $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đối thửa đất số 3275, thửa đất số 3289 tờ bản đồ số 6, tại xã L, huyện T, tỉnh Nam Định và $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản gắn liền với đất tại thửa 3275.

2. Giao cho ông Phạm Văn N có quyền sở hữu: Nhà ở mái ngói trị giá 47.376.000đ; Bếp mái lợp tôn trị giá: 18.194.400đ; Nhà tắm, vệ sinh trị giá: 9.366.000đ; Bể nước trị giá: 8.381.000đ; Tường rào xây tường 110 trị giá: 19.500.000đ; Sân gạch, sân bê tông trị giá: 10.200.000đ và được quyền sử dụng: Diện tích 428m² đất trong đó 160m² đất vườn, 268m² đất ở tại thửa đất số 3275, tờ bản đồ 6, PL 17 trị giá 305.200.000đ và 175m² đất ao tại thửa đất số 3289 tờ bản đồ số 6, PL 17 trị giá 35.000.000đ tại xã L, huyện T, tỉnh Nam Định có vị trí tứ cận thửa 3289 là:

Phía Bắc giáp diện tích đất ao giao cho ông H;

Phía Đông giáp đường xóm;

Phía Tây giáp thửa đất 3290;

Phía Nam giáp thửa đất số 3288;

- Giao cho ông Phạm Trọng H có quyền sử dụng 175m² đất ao trị giá 35.000.000đ tại thửa đất số 3289 tờ bản đồ số 6 PL 17 tại xã L, huyện T, tỉnh Nam Định có vị trí tứ cận là:

Phía Bắc giáp thửa đất số 3291;

Phía Đông giáp đường xóm;

Phía Tây giáp thửa đất 3290;

Phía Nam giáp diện tích đất ao giao cho ông Phạm Văn N.

(Có sơ đồ kèm theo).

- Ông Phạm Văn N có nghĩa vụ trả chênh lệch về kỹ phần thừa kế cho ông Phạm Trọng H 13.820.000đ.

Ông Phạm Văn N, ông Phạm Trọng H có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích đất mà mình được giao theo quyết định của bản án quy định của pháp luật và có nghĩa vụ tạo điều kiện cho nhau khi thực hiện việc phân chia ranh giới đối với diện tích đất ao đã được giao.

3. Về án phí: ông Phạm Văn N phải nộp 21.575.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền 1.000.000 đồng ông N đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí sơ thẩm số AA/2019/0002280 ngày 05/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Ông N còn phải nộp 20.575.000đ.

Ông Phạm Văn N phải nộp 5.000.000đ lệ phí thẩm định, định giá tài sản (Đã nộp xong).

Miễn án phí dân sự cho ông Phạm Trọng H.

4. Quyền kháng cáo: Cụ Phạm Thị T, Ông Phạm Trọng H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị H, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Phạm Trọng H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Phạm Văn N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà